



TAN CANG PILOT COMPANY LIMITED

PLANNING TO LEAD THE SHIPS 17/02/2026 (Tuesday)

TIDE TIME

Water Level	Vung Tau	Cat Lai	Flow
2.7	19:48	23:15	↗
3.6	00:36	04:00	↘
0.6	07:54	11:45	↗
3.7	14:56	18:30	↘
2.4	20:17	23:45	↗
3.7	01:20	04:30	↘

No.	Pilot	Arriving ship	Draught	Length	GRT	Wharf	P.O.B	Note	Tug boat
1	Đ.Toản	JIN JI YUAN	9.3	190	25,700	P/s3 - BP6	00:00	Cano DL, Tăng cường dây	A1-A2
2	K.Toản	WAN HAI 290	8.7	175	20,899	P/s1 - CL1	00:00	ttx	A5-A6
3	Đ.Minh	ANBIEN BAY	8.1	172	17,515	P/s1 - CL4	00:00	//0200; ttx	A3-08
4	Th.Hùng	SAWASDEE PACIFIC	8.8	172	18,051	P/s1 - CL7	07:00	ttx	A1-A2
5	Vinh	SAN PEDRO	7.6	172	16,880	P/s1 - CL4	07:30	ttx	A3-TM
6	Uy	MILD SYMPHONY	7.7	148	9,929	P/s1 - TCHP	07:00	ttx	01-12
7	V.Dũng	HF SPIRIT	7.8	162	13,267	P/s1 - BNPH	08:30	//1030; ttx	A3-08
8	Thịnh	STARSHIP JUPITER	8.3	197	27,997	P/s3 - CL4-5	15:00		A1-A2
9	Nghị	SAWASDEE ATLANTIC	8.7	172	18,051	P/s1 - CL7	14:30	//1700 ttx	A3-TM
10	H.Trường - Chính	BUXMELODY	10.4	216	28,050	P/s3 - CL5	14:00	//1700	A5-A6
11	A.Tuấn	GH RIVER	7	180	19,279	P/s3 - CL1	15:30	//1700	A2-08
12	V.Hải	SITC SHANGHAI	9.7	172	17,119	P/s3 - BNPH	14:00		A1-A3
13	Phú - Trung	WAN HAI 360	9.1	204	30,776	P/s3 - CL3	20:30	Cano DL	A5-A6
14	N.Hoàng	ZHONG GU NAN HAI	9.7	172	18,490	P/s3 - BNPH	20:30		A5-A6
15	Q.Hung	SITC RIZHAO	9	162	13,596	P/s1 - TCHP	23:00	SR, tt xấu	01-12
16	N.Tuấn	EVER WORLD	8.3	172	27,145	P/s1 - CL4	23:30	tt xấu	
17	P.Hung	XIN MING ZHOU 106	7.7	172	18,731	P/s1 - CL1	00:30	//0230, tt xấu	
18	Khái - Đức	NYK PAULA	9.9	210	27,051	P/s3 - BP7	00:30	Cano DL	
No.	Pilot	Cai Mep ship	Draught	Length	GRT	Wharf	P.O.B	Note	Tug boat
1	B.Long - Thịnh	COSCO KAOHSIUNG	11	349	116,739	CM4 - P/s3	07:30	MT-VTX	A10-STG1-ST1
2	A.Tuấn - Đ.Chiến	NYK RUMINA	12.5	295	55,487	CM3 - P/s3	07:30	MP-VTX	MR-KS

3	Phú - Trung	NYK VESTA	12.7	339	97,825	CM1 - P/s3	08:30	MP-VTX	MR-AWA
4	P.Thùy - M.Tùng	ONE MAGDALENA	11.2	330	114,643	P/s3 - CM3	08:30	Y/c MT-VTX	MR-KS-AWA
5	Q.Hung	IRENES RAINBOW	9.9	186	30,221	P/s3 - CM2	12:30	Y/c MT	MR-AWA
6	N.Tuấn - B.Long	COSCO DEVELOPMENT	11.1	366	141,823	P/s3 - CM4	14:00	Y/c MP-VTX	A10-STG1-ST1
7	Hà	IRENES RAINBOW	10.5	186	30,221	CM2 - P/s3	22:00	MT	MR-AWA
8	P.Thùy - M.Tùng	PRAGUE EXPRESS	12.5	336	93,750	P/s3 - CM2	07:30	Y/c MP-VTX	MR-AWA
No.	Pilot	Departing ship	Draught	Length	GRT	Wharf	P.O.B	Note	Tug boat
1	P.Hung - Duy	EVER BRAVE	9.7	211	32,691	CL3 - P/s3	11:00	LT	A5-A6
2	V.Hải	SITC HAODE	6.8	172	19,011	CL4 - P/s2	02:00	LT, tt xấu	A1-A2
3	Duyệt	CEBU	8	172	18,491	BNPH - P/s2	11:00	LT, tt xấu	A3-08
4	Nghị	SKY RAINBOW	9.5	173	17,944	TCHP - H25	23:30		01-12
5	M.Hải	SAWASDEE INCHEON	9.4	172	18,051	CL7 - P/s2	10:00	LT, tt xấu	A3-TM
6	N.Hoàng	ANBIEN BAY	7	172	17,515	CL4 - P/s2	10:00	LT, tt xấu	A3-08
7	P.Tuấn - Quyết	KOTA GAYA	10	223	29,015	CL5 - P/s3	12:30	LT	A5-A6
8	Đ.Toàn	WAN HAI 290	9	175	20,899	CL1 - P/s2	18:30	LT, tt xấu	A5-A6
9	Đ.Minh	SAWASDEE PACIFIC	8.8	172	18,051	CL7 - P/s2	17:30	LT, tt xấu	A1-A2
10	T.Tùng	HF SPIRIT	8	162	13,267	BNPH - P/s2	17:00	LT, tt xấu	A3-08
11	Th.Hùng	SITC SHANGHAI	9.7	172	17,119	BNPH - P/s2	21:30	LT, tt xấu	A3-A5
12	Uy	SAN PEDRO	7.2	172	16,880	CL4 - P/s2	23:30	LT, tt xấu	A1-A2
13	N.Tuấn	INFINITY	8	172	17,119	CL1 - P/s2	02:00	LT, tt xấu	
14	Hà	STARSHIP MERCURY	8.4	197	27,997	CL4-5 - P/s3	10:00	LT	
15	Khái - Đức	NYK PAULA	9.9	210	27,051	CL3 - P/s3	23:30	Cano DL, LT	A5-A6
16	K.Toàn	JIN JI YUAN	6.9	190	25,700	CL4-5 - P/s3	18:00	ĐX, SR, tt xấu	A1-A2
No.	Pilot	Shifting ship	Draught	Length	GRT	Wharf	P.O.B	Note	Tug boat
1	T.Cần	JIN JI YUAN	9.3	190	25,700	BP6 - CL4-5	10:00	Shifting, ĐX	
2	A.Dũng	NYK PAULA	9.9	210	27,051	BP7 - CL3	11:00	Shifting, ĐX	